

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ - ST

Ngày 12/8/2019.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đội 11, xã Đ T, huyện Đ, tỉnh Th.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H vắng mặt – có đơn xin xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày: Giữa chị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/5/2011 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới chị Hiền và anh Tiến về chung sống với nhau tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hay cãi vã trong cuộc sống. Do mâu thuẫn nặng nên đến ngày 15/10/2015 chị Hiền đã về nhà bố mẹ đẻ ở Đội 11, xã Đ T, huyện Đ, tỉnh Th để sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hiền đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, theo chị H khai vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, công nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Người làm chứng là bà Phạm Thị Ch là mẹ đẻ anh T cũng có lời khai xác định việc kết hôn của anh T và chị H đúng như chị H trình bày nêu trên. Sau khi cưới hai vợ chồng về chung sống với bà Ch ở thôn M, xã G, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có con và do chị Hiền không biết ăn ở nên có mâu thuẫn cả với các thành viên khác trong gia đình làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Đến tháng 10/2015 chị H bỏ đi, sau này bà Ch mới biết là về quê cũ sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân. Bà Ch cũng thừa nhận do anh T bận đi làm nên không lên Tòa án làm việc được dù các văn bản tố tụng do Tòa án chuyển giao bà Ch đã nhận thay và đều thông báo, chuyển giao cho anh T.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; chị H phải nộp án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn M,

xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của chị H, của người làm chứng cũng như sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị Hiền và anh Tiến sống chung là do bất đồng quan điểm sống, do chị Hiền cư xử chưa tốt trong quan hệ gia đình và do anh Tiến không tu chí làm ăn, không quan tâm cuộc sống gia đình đôi khi còn có hành vi bạo lực với chị H. Từ tháng 10/2015 chị Hiền đã về nhà bố mẹ đẻ ở Đội 11, xã Đ T, huyện Đ, tỉnh Th để sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Bản thân anh Tiến không có mặt tại Tòa án để làm việc trong khi anh T vẫn đang sinh sống, làm việc tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án đến tận nơi tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó cũng chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị H xử cho chị Hà Thị Hiền được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của chị H có xác nhận của chính quyền địa phương nên Tòa án xác định chị Hiền và anh Nguyễn Văn T không có con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ chung và anh T không có yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Hà Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001198 ngày 01/4/2019.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU QUỐC